

Dự báo nguồn nước và xây dựng kế hoạch sử dụng nước,
phục vụ chỉ đạo điều hành cấp nước cho sản xuất nông nghiệp mùa lũ
vùng Đồng bằng sông Cửu Long năm 2025

BẢN TIN TUẦN 10
DIỄN BIẾN NGUỒN NƯỚC ĐẾN NGÀY 03/9/2025, DỰ BÁO
NGUỒN NƯỚC TỪ NGÀY 04/9 ĐẾN NGÀY 13/9/2025

I DIỄN BIẾN THỜI TIẾT, SẢN XUẤT, NGUỒN NƯỚC ĐẾN NGÀY 03/9/2025

1.1 Diễn biến thời tiết

1.1.1 Diễn biến mưa trên lưu vực sông Mê Công

Theo kết quả quan trắc của Trung tâm Đại dương và Khí quyển Quốc gia Hoa Kỳ (NOAA): Đặc trưng thời tiết từ ngày 27/8 - 02/9/2025, trên lưu vực hạ lưu sông Mê Công do ảnh hưởng bởi gió mùa Tây Nam hoạt động mạnh và đặc biệt là hoàn lưu cơn bão số 5 và số 6 trên biển Đông. Hình thái thời tiết này gây mưa lớn trên lưu vực, lượng mưa phổ biến từ 75 - 300 mm. Trong đó, khu vực trung Lào lượng mưa lớn nhất ở mức từ 200-300 mm, [xem Hình 2].

1.1.2 Diễn biến mưa trên vùng ĐBSCL

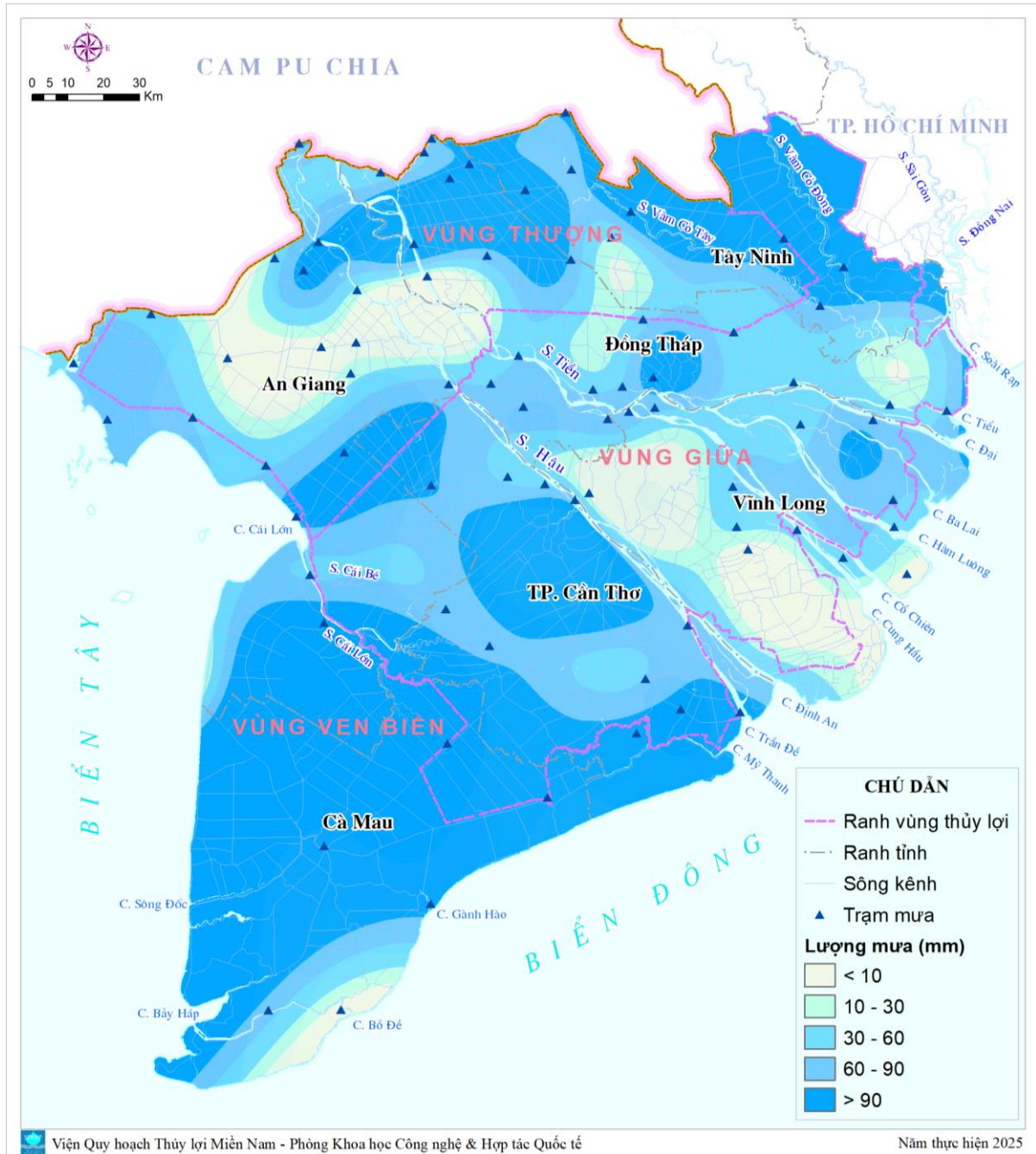
Lượng mưa lũy tích tuần qua từ ngày 28/8 - 03/9/2025 trên vùng ĐBSCL ở mức khá cao phổ biến từ 60 – 150 mm. Lượng mưa cao nhất tập trung trên địa bàn tỉnh Cà Mau, điển hình như trạm Cà Mau lượng mưa 176,7 mm, trạm Bạc Liêu 167,2 mm, [xem Bảng 1 và Hình 1].

Bảng 1. Lượng mưa ngày thực đo tuần qua tại các trạm chính trên vùng ĐBSCL

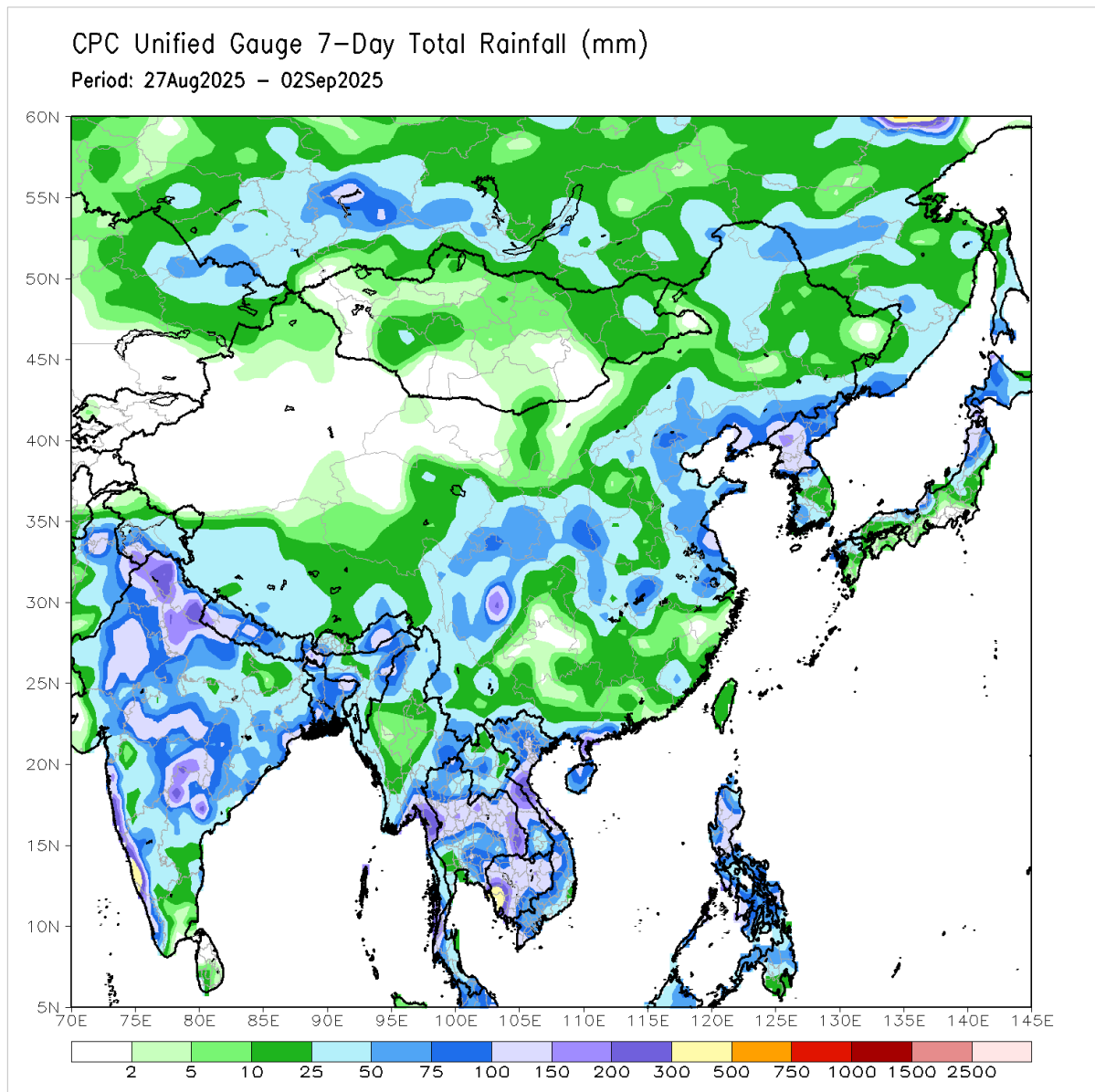
TT	Trạm	Tỉnh	Mưa thực đo (mm)							Lũy tích tuần
			28/8	29/8	30/8	31/8	01/9	02/9	03/9	
1	Mộc Hóa	Tây Ninh	73,4	45,3	0,0	6,7	4,6	2,4	0,0	132,4
2	Mỹ Tho	Đồng Tháp	6,6	5,6	2,4	0,4	4,0	22,2	0,4	41,6
3	Bến Tre	Vĩnh Long	10,8	16,8	3,0	2,4	0,2	7,0	8,2	48,4
4	Trà Vinh	Vĩnh Long	7,6	29,2	0,2	1,8	2,4	1,7	0,0	42,9
5	Vĩnh Long	Vĩnh Long	3,8	9,8	8,0	35,8	6,8	15,6	1,2	81,0
6	Cao Lãnh	Đồng Tháp	8,4	2,0	0,0	4,0	16,2	27,2	0,2	58,0
7	Vị Thanh	Cần Thơ	5,6	8,6	22,8	7,8	11,0	3,0	14,2	73,0

TT	Trạm	Tỉnh	Mưa thực đo (mm)							Lũy tích tuần
			28/8	29/8	30/8	31/8	01/9	02/9	03/9	
8	Cần Thơ	Cần Thơ	0,2	2,2	5,8	25,0	28,4	4,4	0,0	66,0
9	Sóc Trăng	Cần Thơ	2,0	17,6	10,6	0,2	21,6	9,4	0,2	61,6
10	Rạch Giá	An Giang	1,2	8,6	36,4	5,8	36,4	5,8	3,0	97,2
11	Bạc Liêu	Cà Mau	10,0	20,0	22,2	33,8	40,4	32,8	8,0	167,2
12	Cà Mau	Cà Mau	22,9	7,0	27,0	11,2	42,5	63,8	2,3	176,7
Trung bình			12,7	14,4	11,5	11,2	17,9	16,3	3,1	87,2

Nguồn: Đài KTTV Khu vực Nam bộ



Hình 1. Bản đồ mưa lũy tích từ ngày 28/8 - 03/9/2025 trên vùng ĐBSCL

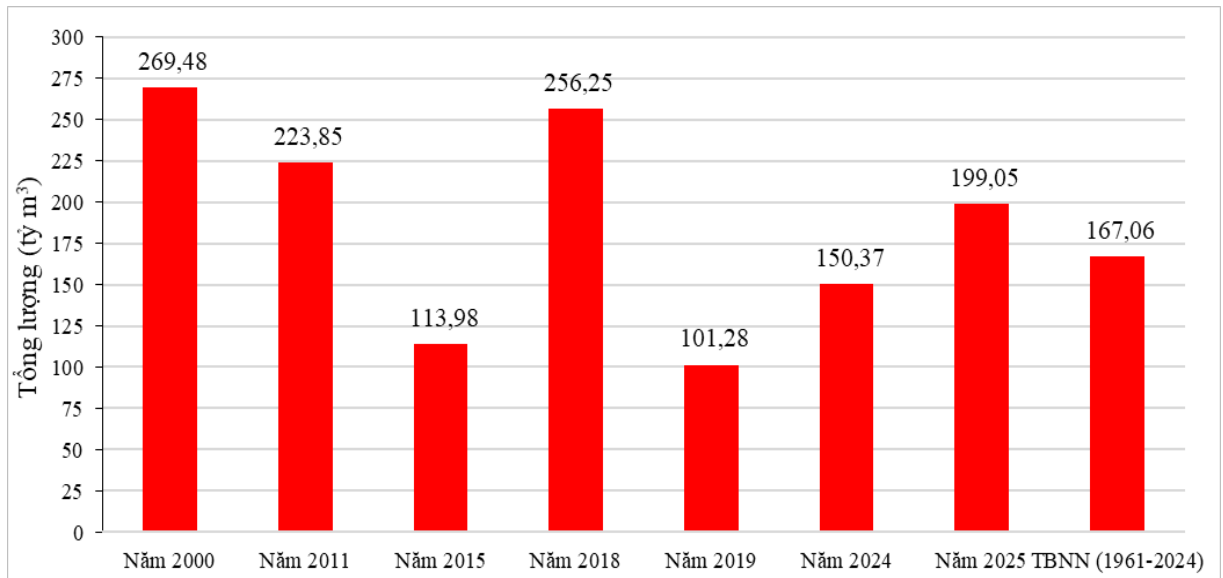


Nguồn: <http://www.cpc.ncep.noaa.gov>

Hình 2. Bản đồ mưa lũy tích tuần từ ngày 27/8 - 02/9/2025 trên lưu vực sông Mê Công

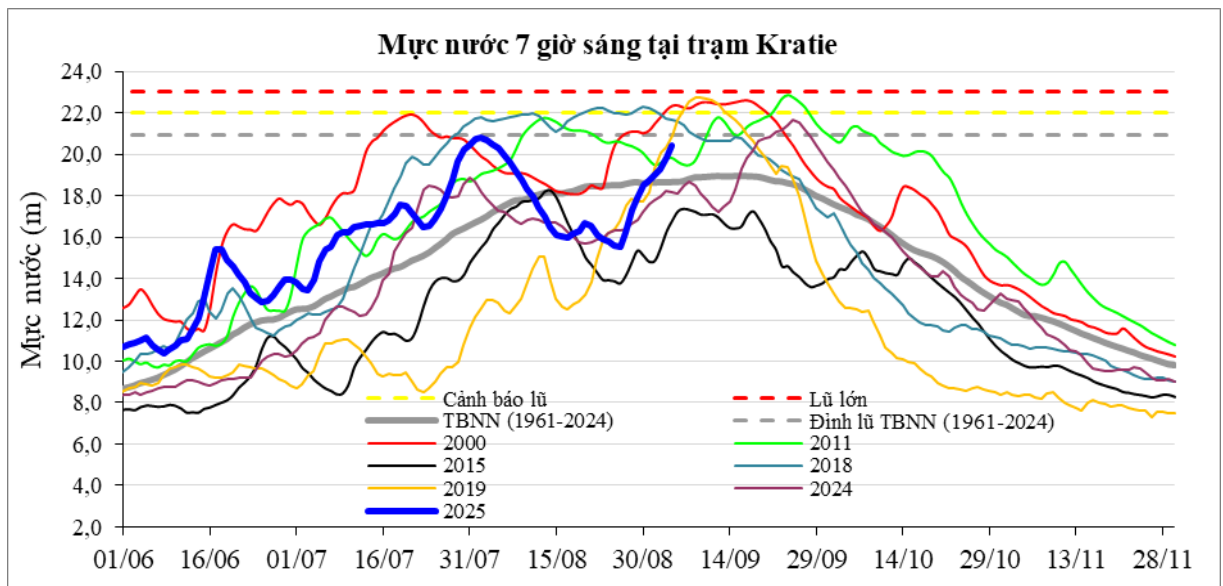
1.2 Diễn biến nguồn nước vào vùng ĐBSCL đến ngày 03/9/2025

Tại Kratie: Tổng lượng từ ngày 01/6 đến 04/9/2025 tại Kratie đạt 199,05 tỷ m³. So với cùng kỳ: lớn hơn trung bình nhiều năm (TBNN(1961-2024)) khoảng 31,99 tỷ m³; lớn hơn nhiều các năm 2024, 2019 và 2015; nhưng còn nhỏ hơn nhiều các năm 2000, 2011 và 2018, [xem Hình 3].



Hình 3. Tổng lượng lũ tại Kratie từ 01/6 đến ngày 04/9/2025

Mức nước tại Kratie trong tuần qua có xu thế tăng với cường suất trung bình 41,5 cm/ngày. Đến ngày 04/9/2025 mức nước lúc 7 giờ đo được tại Kratie là 20,4 m. So với cùng kỳ: cao hơn TBNN (1961-2024) 1,71 m; cao hơn khá nhiều năm 2024 và 2015; cao hơn năm 2011 0,56 m; thấp hơn năm 2019 0,49 m; thấp hơn nhiều các năm 2000 và năm 2018, [xem Hình 4].

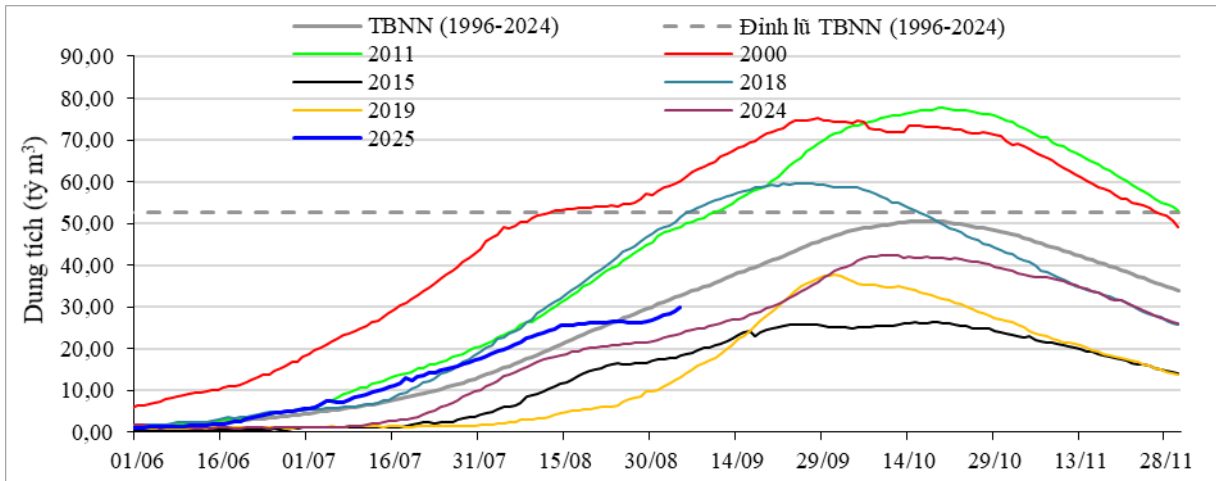


Hình 4. Diễn biến mực nước tại Kratie đến ngày 04/9/2025

Tại Biển Hồ: Dung tích Biển Hồ tuần qua ở mức khá thấp và có xu thế tăng với cường suất trung bình 0,57 tỷ m³/ngày. Đến ngày 04/9/2025 dung tích đạt 30,05 tỷ m³; so với cùng kỳ: nhỏ hơn TBNN (1996-2024) 2,74 tỷ m³; lớn hơn năm 2024 6,39 tỷ m³; lớn hơn khá nhiều các năm 2019 và 2015; nhỏ hơn nhiều các năm 2000, 2011 và 2018, [xem Bảng 2 và Hình 5].

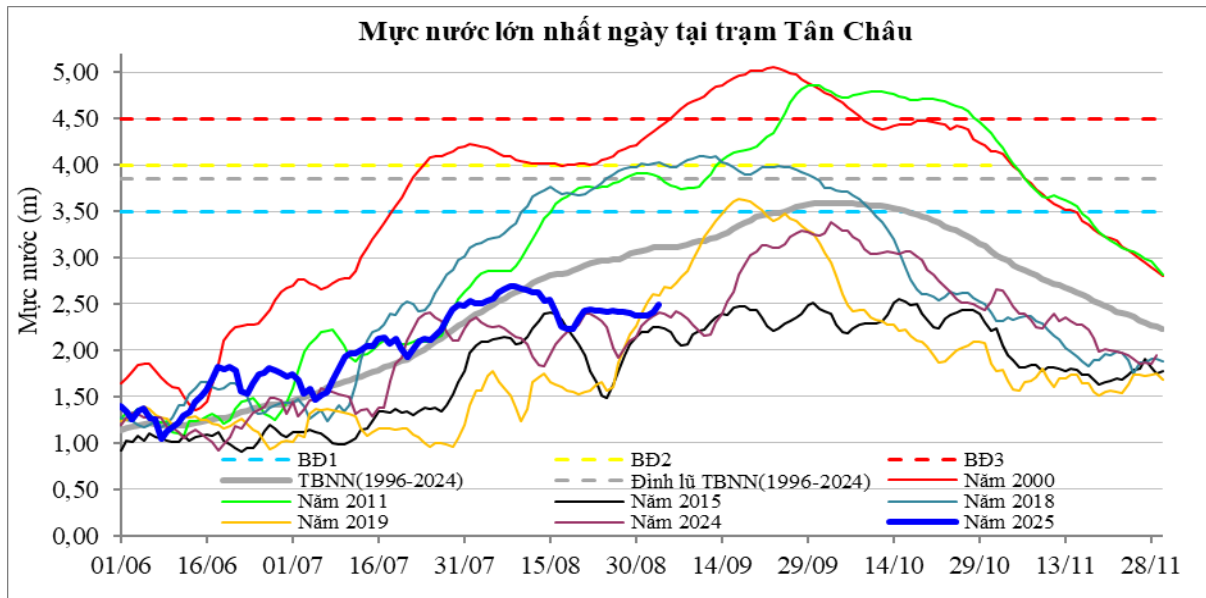
Bảng 2. Mức nước và dung tích Biển Hồ đến ngày 04/9/2025 so với cùng kỳ các năm điển hình

TT	Đặc trưng mực nước & dung tích	Mức nước và dung tích Biển Hồ							
		2025	2024	2019	2018	2015	2011	2000	TBNN (1996-2024)
1	Mức nước (m)	6,40	5,65	4,16	8,50	4,96	8,28	9,23	6,70
	<i>So sánh cùng kỳ các năm</i>		0,75	2,24	-2,10	1,44	-1,88	-2,83	-0,30
2	Dung tích (tỷ m ³)	30,05	23,66	13,07	51,63	18,28	49,09	60,34	32,79
	<i>So sánh cùng kỳ các năm</i>		6,39	16,98	-21,58	11,77	-19,04	-30,29	-2,74



Hình 5. Diễn biến dung tích Biển Hồ đến ngày 04/9/2025

Tại Tân Châu: Mực nước chịu ảnh hưởng bởi cả lũ thượng nguồn và thủy triều. Mực nước tại trạm Tân Châu trong tuần qua có xu thế giảm đến ngày 31/8/2025 với cường suất trung bình 2,0 cm/ngày, sau đó tăng trở lại với cường suất trung bình 4,0 cm/ngày. Mực nước lớn nhất ngày 03/9/2025 đạt 2,49 m. So với cùng kỳ: cao hơn năm 2024 0,12 m; cao hơn năm 2015 0,24 m; thấp hơn năm 2019 0,10 m; thấp hơn nhiều TBNN (1996-2024) và các năm 2000, 2011 và 2018, [xem Hình 6 và Bảng 3].



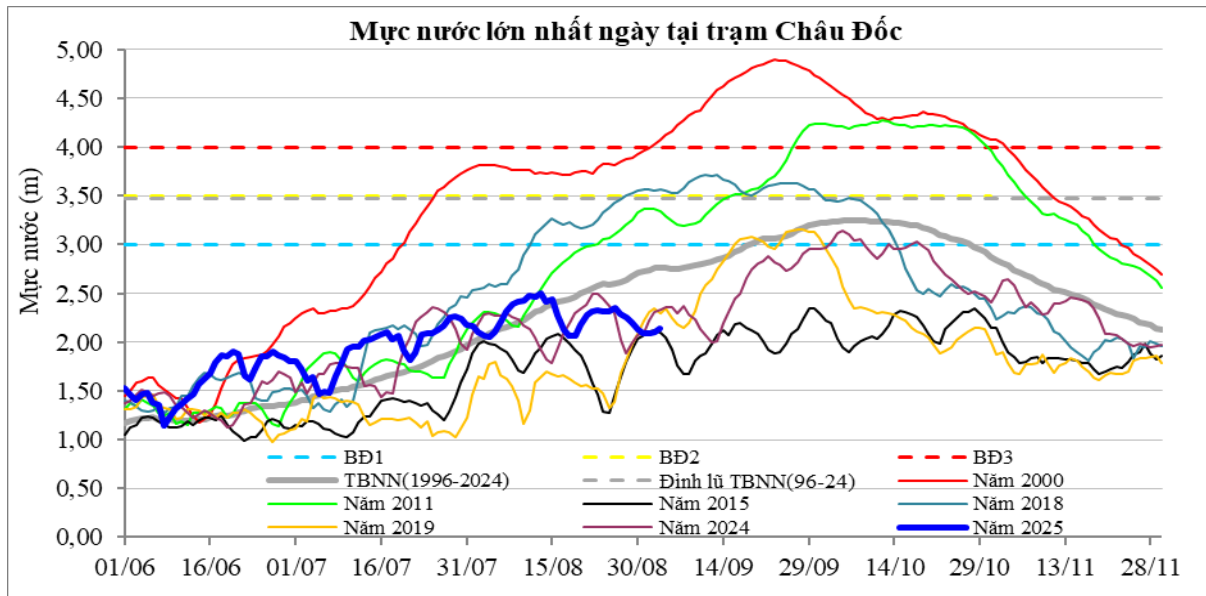
Hình 6. Diễn biến mực nước tại trạm Tân Châu đến ngày 03/9/2025

Bảng 3. Mực nước lớn nhất ngày tuần qua tại trạm Tân Châu năm 2025 so với cùng kỳ các năm điển hình

Đơn vị: m

Ngày	2025	2024	2019	2018	2015	2011	2000	Hmax ngày TBNN (1996-2024)	Chênh lệch 2025-TBNN	Chênh lệch 2025-2024
28/8	2,41	1,92	2,04	3,96	1,94	3,86	4,17	3,01	-0,60	0,49
29/8	2,40	2,02	2,17	3,97	2,06	3,88	4,20	3,04	-0,64	0,38
30/8	2,37	2,11	2,26	3,98	2,15	3,91	4,21	3,07	-0,70	0,26
31/8	2,37	2,14	2,39	4,01	2,19	3,91	4,26	3,07	-0,70	0,23
01/9	2,38	2,26	2,53	4,00	2,20	3,91	4,32	3,09	-0,71	0,12
02/9	2,42	2,33	2,60	4,01	2,25	3,89	4,36	3,11	-0,69	0,09
03/9	2,49	2,37	2,59	4,03	2,25	3,87	4,41	3,11	-0,62	0,12

Tại Châu Đốc: Mực nước chịu ảnh hưởng bởi cả lũ thượng nguồn và thủy triều. Mực nước tại trạm Châu Đốc trong tuần qua có xu thế giảm đến ngày 01/9/2025 với cường suất trung bình 4,0 cm/ngày, sau đó tăng trở lại với cường suất trung bình 3,0 cm/ngày. Mực nước lớn nhất ngày 03/9/2025 đạt 2,14 m. So với cùng kỳ: thấp hơn năm 2024 0,19 m; thấp hơn 2019 0,15 m; thấp hơn nhiều TBNN (1996-2024) và các năm 2000, 2011 và 2018; chỉ cao hơn năm 2015 0,04 m, [xem Hình 7 và Bảng 4].



Hình 7. Diễn biến mực nước tại trạm Châu Đốc đến ngày 03/9/2025

Bảng 4. Mực nước lớn nhất ngày tuần qua tại trạm Châu Đốc năm 2025 so với cùng kỳ các năm điển hình

Đơn vị: m

Ngày	2025	2024	2019	2018	2015	2011	2000	Hmax ngày TBNN (1996-2024)	Chênh lệch 2025-TBNN	Chênh lệch 2025-2024
28/8	2,25	1,89	1,81	3,50	1,80	3,21	3,87	2,64	0,39	0,36
29/8	2,20	2,00	1,98	3,53	1,94	3,26	3,89	2,68	0,48	0,20
30/8	2,13	2,07	2,09	3,55	2,03	3,33	3,92	2,71	0,58	0,06
31/8	2,09	2,10	2,22	3,57	2,07	3,36	3,96	2,72	0,63	-0,01
01/9	2,09	2,22	2,31	3,56	2,11	3,36	3,99	2,74	0,65	-0,13
02/9	2,10	2,31	2,35	3,55	2,12	3,36	4,03	2,76	0,66	-0,21
03/9	2,14	2,33	2,29	3,57	2,10	3,34	4,07	2,76	0,62	-0,19

1.3 Diễn biến mực nước nội đồng vùng ĐBSCL

1.3.1 Vùng Thượng ĐBSCL

Mực nước trong tuần qua ở mức khá thấp và có xu thế giảm nhẹ theo triều, một số trạm khu vực đầu nguồn có xu thế tăng nhẹ do lũ tăng trở lại, [xem Bảng 5].

Bảng 5. Diễn biến mực nước lớn nhất từ ngày 28/8 - 03/9/2025 Thượng ĐBSCL

Đơn vị: m

TT	Trạm	Xã/Phường	Tỉnh	Sông/kênh	H_max thực đo	Xu thế
1	Tân Châu*	P. Tân Châu	An Giang	S. Tiền	2,37→2,49	↑
2	Châu Đốc*	P. Châu Đốc	An Giang	S. Hậu	2,25→2,09	↓
3	Sông Trăng	Hưng Điền	Long An	K. Sông Trăng	1,48→1,59	↑
4	Vàm Đồn	Khánh Hưng	Long An	K. Cái Cỏ	1,57→1,87	↑

TT	Trạm	Xã/Phường	Tỉnh	Sông/kênh	H_max thực đo	Xu thế
5	Tân Hưng	Tân Hưng	Long An	K. Hồng Ngự - LA	1,65→1,70	↑
6	Vĩnh Hưng	Vĩnh Hưng	Long An	K. 28	1,57→1,67	↑
7	Mộc Hóa	Mộc Hóa	Long An	S. Vàm Cỏ Tây	1,11→1,03	↓
8	Tuyên Nhơn	Thanh Hóa	Long An	S. Vàm Cỏ Tây	0,92→0,73	↓
9	T.Thới Hậu A	P. Thường Lạc	Đồng Tháp	S. Sở Thượng	2,47→2,59	↑
10	Dinh Bà	Tân Hộ Cơ	Đồng Tháp	K. Sở Hạ	2,02→2,14	↑
11	Tân Hồng	Tân Hộ Cơ	Đồng Tháp	K. Phước Xuyên	1,97→2,08	↑
12	Tân Công Sính	Tràm Chim	Đồng Tháp	K. Hồng Kỳ	-	
13	An Long	An Long	Đồng Tháp	K. Đồng Tiến	2,26→2,13	↓
14	Trường Xuân	Trường Xuân	Đồng Tháp	K. Phước Xuyên	1,53→1,46	↓
15	Mỹ An	Tháp Mười	Đồng Tháp	K. NV Tiếp	1,34→1,14	↓
16	Xuân Tô	P. Tịnh Biên	An Giang	K. Vĩnh Tế	1,54→1,64	↑
17	Khánh An	An Phú	An Giang	S. Bình Ghi	3,30→3,65	↑
18	Tri Tôn	Tri Tôn	An Giang	K. Tri Tôn	1,18→1,11	↓
19	Vàm Nao	Phú Tân	An Giang	S. Vàm Nao	2,09→1,87	↓
20	Long Xuyên	P. Long Xuyên	An Giang	S. Hậu	2,02→1,65	↓
21	Núi Sập	Thoại Sơn	An Giang	K. RG - Long Xuyên	1,30→1,20	↓
22	Vĩnh Điều	Giang Thành	Kiên Giang	K. Vĩnh Tế	1,07→0,76	↓
23	Hòa Điền	Kiên Lương	Kiên Giang	K. RG - Hà Tiên	-	
24	Ba Thê	Hòn Đất	Kiên Giang	K. Ba Thê	-	

Ghi chú: * số liệu dự báo của Trung tâm khí tượng thủy văn quốc gia; -: Không có số liệu
 Trong cột H_max thực đo: Chỉ thể hiện 2 đặc trưng lớn nhất và nhỏ nhất trong tuần qua.

1.3.2 Vùng Giữa ĐBSCL

Mức nước trong tuần qua ở mức thấp và biến đổi theo triều. Mức nước có xu thế giảm với cường suất trung bình 5,0 cm/ngày, [xem Bảng 6].

Bảng 6. Diễn biến mực nước lớn nhất từ ngày 28/8 - 03/9/2025 vùng Giữa ĐBSCL

Đơn vị: m

TT	Trạm	Xã/Phường	Tỉnh	Sông/kênh	H_max thực đo	Xu thế
1	Cần Thơ	P. Cái Khế	Cần Thơ	S. Hậu	1,61→1,16	↓
2	Mỹ Thuận	P. Tân Ngãi	Vĩnh Long	S. Tiền	1,46→0,82	↓
3	Tân Lập	Tân Long	Long An	K. Bo Bo	1,26→0,91	↓
4	Bến Lức	Bến Lức	Long An	S. Vàm Cỏ Đông	1,09→0,73	↓
5	Tân An	P. Long An	Long An	S. Vàm Cỏ Tây	1,29→1,02	↓
6	Cai Lậy	Cai Lậy	Tiền Giang	K. 12	1,09→0,84	↓
7	Long Định	Long Định	Tiền Giang	K. Nguyễn Tấn Thành	0,96→0,68	↓
8	Mỹ Tho	P. Mỹ Tho	Tiền Giang	S. Tiền	1,29→0,75	↓

TT	Trạm	Xã/Phường	Tỉnh	Sông/kênh	H_max thực đo	Xu thế
9	Vàm Kênh	Gò Công Đông	Tiền Giang	S. Cửa Tiểu	1,01→0,58	↓
10	Chợ Lách	Chợ Lách	Bến Tre	S. Hàm Luông	1,43→0,87	↓
11	Mỹ Hóa	P. Bến Tre	Bến Tre	S. Hàm Luông	1,18→0,74	↓
12	G1	Châu Thành	Bến Tre	S. Giao Hòa	-	
13	Cao Lãnh	Cao Lãnh	Đồng Tháp	S. Tiền	1,81→1,37	↓
14	Lai Vung	Lai Vung	Đồng Tháp	K. Hòa Long	1,76→1,52	↓
15	Ba Càng	Tam Bình	Vĩnh Long	S. Ba Càng	1,67→1,26	↓
16	G2	Quới An	Vĩnh Long	S. Măng Thít	-	
17	G3	Trà Ôn	Vĩnh Long	S. Măng Thít	-	
18	G4	Tân An	Trà Vinh	S. An Trường	-	
19	Tân Hiệp	Tân Hiệp	Kiên Giang	K. Cái Sắn	1,18→0,76	↓
20	Ô Môn	P. Ô Môn	Cần Thơ	K. Ô Môn	1,60→1,30	↓
21	Cờ Đỏ	Cờ Đỏ	Cần Thơ	K. Thốt Nốt	1,27→1,04	↓
22	Vị Thanh	P. Vị Thanh	Hậu Giang	K. Xà No	0,74→0,80	↑
23	Phụng Hiệp	P. Ngã Bảy	Hậu Giang	S. Cái Côn	1,30→1,08	↓
24	Đại Ngãi	Long Phú	Sóc Trăng	S. Hậu	1,36→0,89	↓
25	G5	P. Ngã Năm	Sóc Trăng	K. QL - Phụng Hiệp	-	
26	Phước Long	Phước Long	Bạc Liêu	K. QL - Phụng Hiệp	0,88→1,03	↑
27	Giồng Riềng	Giồng Riềng	Kiên Giang	K. Nước Mặn	-	

Ghi chú: - Không có số liệu

Trong cột H_max thực đo: Chỉ thể hiện 2 đặc trưng lớn nhất và nhỏ nhất trong tuần qua.

1.3.3 Vùng Ven Biển ĐBSCL

Mức nước trong tuần qua ở mức thấp và biến đổi theo triều. Mức nước các trạm thuộc khu vực ven biển Đông có xu thế giảm với cường suất trung bình 4,0 cm/ngày. Mức nước các trạm thuộc khu vực ven biển Tây có xu thế tăng nhẹ, một số trạm có xu thế giảm, [xem Bảng 7].

Bảng 7. Diễn biến mực nước lớn nhất từ ngày 28/8 - 03/9/2025 vùng Ven Biển ĐBSCL

Đơn vị: m

TT	Trạm	Xã/Phường	Tỉnh	Sông/kênh	H_max thực đo	Xu thế
1	Bình Đại	Bình Đại	Bến Tre	S. Cửa Đại	1,17→0,78	↓
2	An Thuận	Tân Thủy	Bến Tre	S. Hàm Luông	1,10→0,76	↓
3	Bến Trại	Thanh Phong	Bến Tre	S. Cổ Chiên	1,19→0,88	↓
4	Trà Vinh	P. Hòa Thuận	Trà Vinh	S. Cổ Chiên	1,37→1,03	↓
5	VB1	Đôn Châu	Trà Vinh	K. Quan Chánh Bó	-	
6	Trần Đề	Trần Đề	Sóc Trăng	S. Mỹ Thanh	1,63→1,10	↓
7	VB2	P. Khánh Hòa	Sóc Trăng	S. Mỹ Thanh	-	

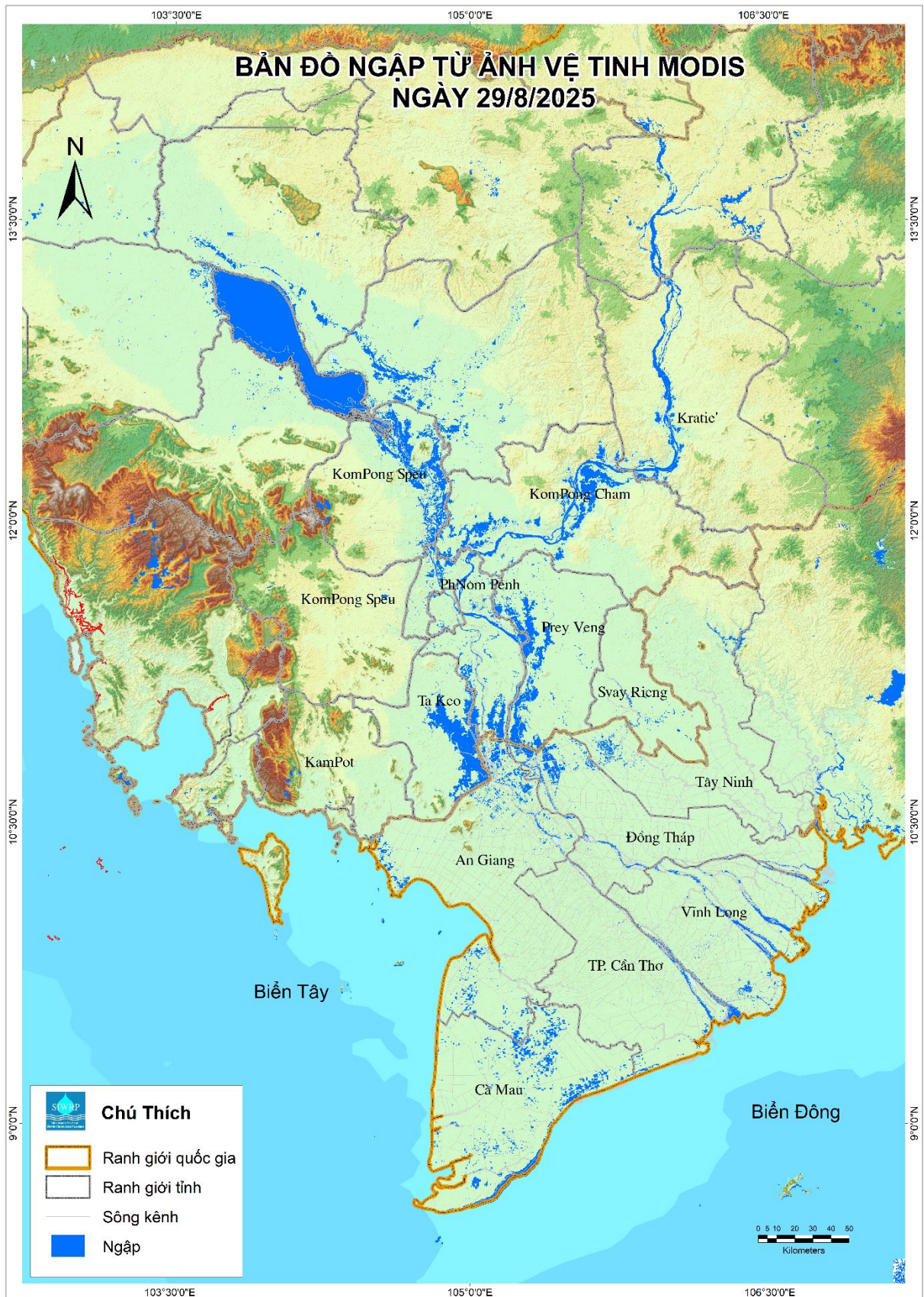
TT	Trạm	Xã/Phường	Tỉnh	Sông/kênh	H_max thực đo	Xu thế
8	VB4	Giá Rai	Bạc Liêu	K. CM - Bạc Liêu	-	
9	VB3	P. Bạc Liêu	Bạc Liêu	S. Bạc Liêu	-	
10	Cà Mau	P. Lý Văn Lâm	Cà Mau	S. Gành Hào	0,88→0,99	↑
11	Năm Căn	Ngọc Hiển	Cà Mau	S. Cửa Lớn	1,22→1,02	↓
12	Sông Đốc	Trần Văn Thời	Cà Mau	S. Ông Đốc	0,73→0,86	↑
13	VB5	Thới Bình	Cà Mau	S. Trẹm	-	
14	Rạch Giá	P. Rạch Giá	Kiên Giang	S. Kiên	0,46→0,53	↑
15	Xẻo Rô	Châu Thành	Kiên Giang	S. Cái Lớn	0,47→0,61	↑
16	Vàm Răng	Hòn Đất	Kiên Giang	K. RG - Hà Tiên	0,66→0,75	↑
17	Vàm Rầy	Hòn Đất	Kiên Giang	K. HT - Rạch Giá	0,97→0,84	↓
18	VB7	An Minh	Kiên Giang	K. Cán Gáo	-	
19	VB6	Vĩnh Thuận	Kiên Giang	S. Cái Lớn	-	

Ghi chú: - Không có số liệu

Trong cột H_max thực đo: Chỉ thể hiện 2 đặc trưng lớn nhất và nhỏ nhất trong tuần qua.

Kết quả giải đoán ảnh vệ tinh MODIS ngày 29/8/2025 cho thấy đã xảy ra ngập nhiều nơi thuộc khu vực thấp trũng ven sông phía Campuchia và các khu vực ô bao KSL tháng 8 (đã thu hoạch xong vụ Hè Thu) trên vùng Đồng Tháp Mười thuộc 2 tỉnh Đồng Tháp và Tây Ninh và khu vực đầu nguồn thuộc tỉnh An Giang, ngập nhiều nhất xảy ra trên địa bàn các tỉnh Takeo và Prey Veng của Campuchia.

Một số khu vực thuộc tỉnh Cà Mau và ven biển tỉnh An Giang xuất hiện các điểm ngập nước là do nuôi trồng thủy sản ở các khu vực ven biển, [xem Hình 8].



Hình 8. Bản đồ ngập giải đoán từ ảnh vệ tinh MODIS chụp ngày 29/8/2025

1.4 Diễn biến sản xuất lúa

Năm 2025, kế hoạch xuống giống vụ Hè Thu trên ĐBSCL khoảng 1.459.013 ha, xấp xỉ diện tích xuống giống năm 2024. Đến giữa tháng 6 năm 2025 đã xuống giống dứt điểm đạt 1.458.235 ha, đạt xấp xỉ 100% kế hoạch. Đến nay diện tích đã thu hoạch xong là 1.037.261 ha, đạt khoảng 71% diện tích xuống giống. Ngoại trừ Cà Mau, đa số các tỉnh đã thu hoạch được trên 50% diện tích gieo trồng.

Kế hoạch xuống giống vụ Thu Đông năm 2025 trên vùng ĐBSCL là 691.000 ha, thấp hơn 3% so với diện tích xuống giống năm 2024. Đến nay đã xuống giống được khoảng 489.912 ha, hoàn thành 71% kế hoạch. Đa số các tỉnh đã sắp hoàn thành kế hoạch xuống giống, trừ các tỉnh ven biển như Vĩnh Long và Cà Mau xuống giống khá trễ. Một số xã của tỉnh Tây Ninh và Vĩnh Long đã bắt đầu thu hoạch lúa Thu Đông với diện tích khoảng 14.018 ha, [xem Bảng 8].

Bảng 8. Tình hình sản xuất lúa vụ Hè Thu và Thu Đông đến ngày 15/8/2025 ở vùng ĐBSCL

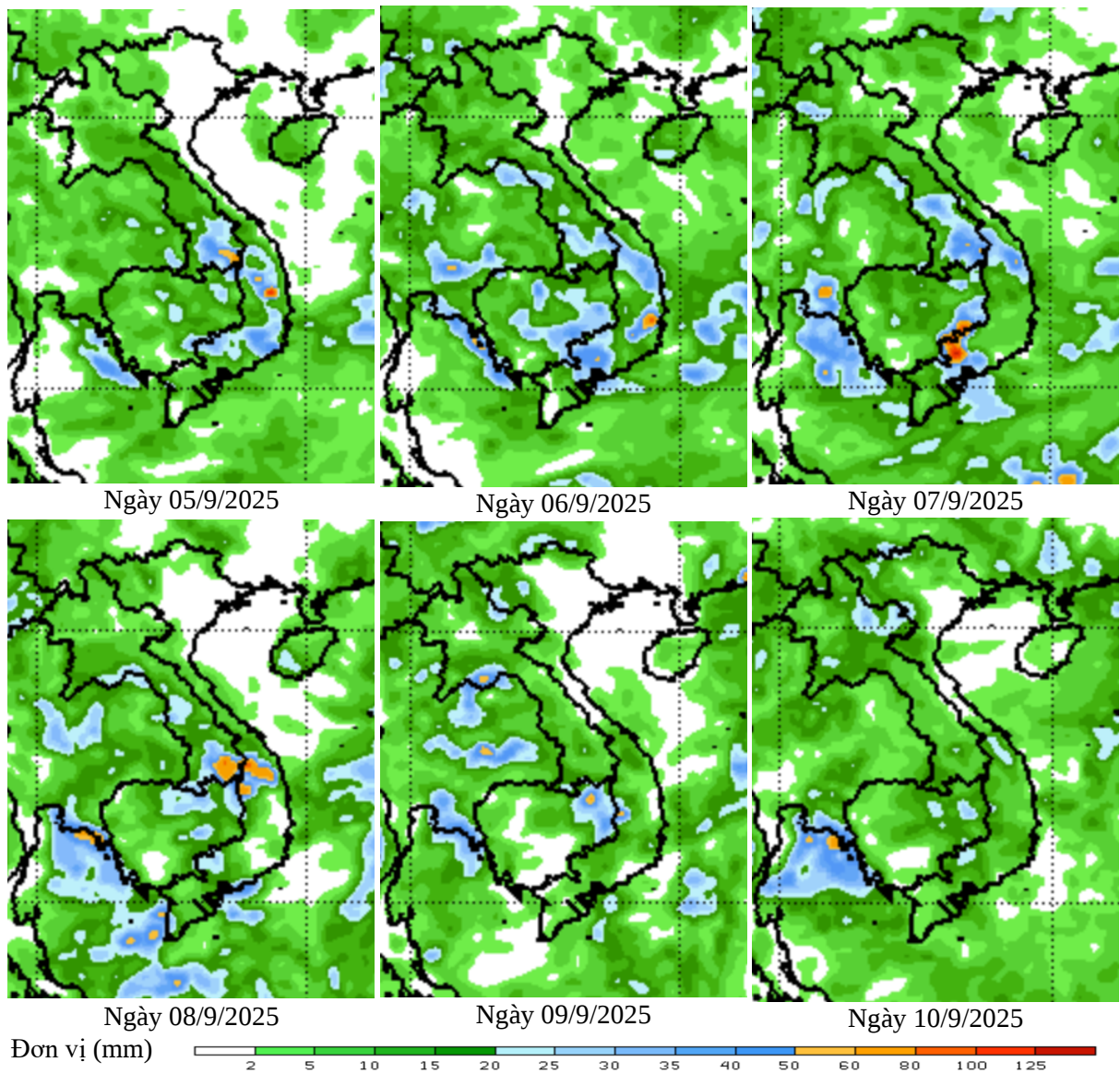
TT	Địa phương	Vụ Hè Thu (ha)			Vụ Thu Đông (ha)		
		Xuống giống	Thu hoạch	Chưa thu hoạch	Kế hoạch xuống giống	Xuống giống	Thu hoạch
1	Tây Ninh	219.604	177.068	42.536	56.000	38.587	12.963
2	Đồng Tháp	243.718	172.954	70.764	122.000	93.881	
3	Vĩnh Long	110.488	62.534	47.954	118.000	37.391	1.055
4	An Giang	506.381	404.665	101.716	245.000	223.255	
5	Cần Thơ	284.321	191.144	93.177	106.000	95.066	
6	Cà Mau	94.142	28.896	65.246	44.000	1.732	
Tổng		1.458.654	1.037.261	421.393	691.000	489.912	14.018

Nguồn: Cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật – Bộ NN&MT; Số liệu tỉnh Tây Ninh chỉ thống kê số liệu thuộc vùng ĐBSCL

II DỰ BÁO MƯA, LŨ THUỘC NGUỒN VÀ THỦY TRIỀU

2.1 Dự báo mưa trên lưu vực sông Mê Công

Theo kết quả dự báo của NOAA: Lượng mưa ngày dự báo tuần tới trên lưu vực hạ lưu sông Mê Công ở mức trung bình và ít biến động. Lượng mưa phổ biến từ 10-20 mm/ngày, một số nơi trên 20 mm/ngày [xem Hình 9].



Nguồn: <http://www.cpc.ncep.noaa.gov>

Hình 9. Dự báo mưa từ ngày 05 - 10/9/2025 khu vực hạ lưu sông Mê Công

Theo kết quả Downscaling từ mô hình dự báo mưa toàn cầu NOAA, mưa dự báo trên vùng ĐBSCL lũy tích trong 7 ngày tới ở mức trung bình phổ biến từ 60 – 90 mm và có xu thế tăng, [xem Bảng 9].

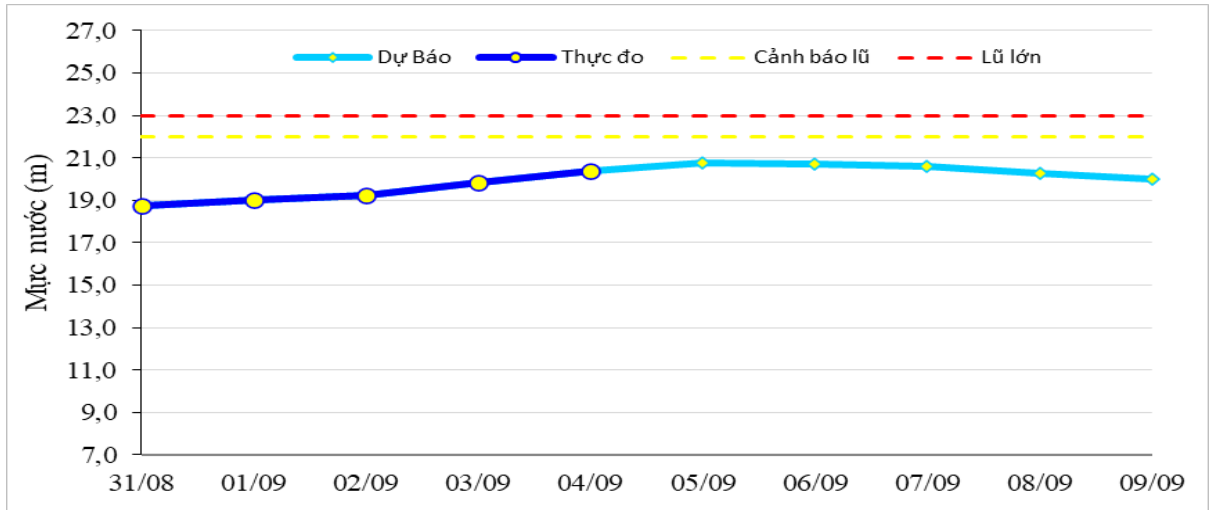
Bảng 9. Dự báo mưa 7 ngày tới tại một số trạm chính trên vùng ĐBSCL

TT	Trạm	Tỉnh	Mưa dự báo (mm)							Lũy tích tuần
			04/9	05/9	06/9	07/9	08/9	09/9	10/9	
1	Mộc Hóa	Tây Ninh	10,8	15,7	9,5	25,9	11,7	19,0	4,1	96,7
2	Mỹ Tho	Đồng Tháp	10,1	10,0	11,3	22,9	10,8	11,4	0,4	77,0
3	Bến Tre	Vĩnh Long	7,6	9,3	11,3	20,3	10,2	12,6	0,3	71,6
4	Trà Vinh	Vĩnh Long	5,4	8,2	12,5	20,4	19,9	21,8	0,3	88,4
5	Vĩnh Long	Vĩnh Long	9,8	12,2	15,7	34,5	10,2	17,6	0,9	100,9
6	Cao Lãnh	Đồng Tháp	14,2	18,6	13,2	24,6	10,4	10,3	2,0	93,4
7	Vị Thanh	Cần Thơ	11,2	8,5	10,2	2,2	9,0	18,7	0,4	59,9
8	Cần Thơ	Cần Thơ	9,5	7,0	9,8	14,9	6,9	25,3	0,1	73,3

TT	Trạm	Tỉnh	Mưa dự báo (mm)							Lũy tích tuần
			04/9	05/9	06/9	07/9	08/9	09/9	10/9	
9	Sóc Trăng	Cần Thơ	14,4	7,4	11,7	9,7	16,3	20,5	0,1	80,1
10	Rạch Giá	An Giang	4,5	17,4	10,5	6,3	6,1	43,6	2,8	91,3
11	Bạc Liêu	Cà Mau	12,1	7,2	9,4	15,8	16,2	6,6	0,4	67,7
12	Cà Mau	Cà Mau	0,6	4,6	5,9	7,5	14,6	10,8	0,0	44,0
Trung bình			9,2	10,5	10,9	17,1	11,9	18,2	1,0	78,7

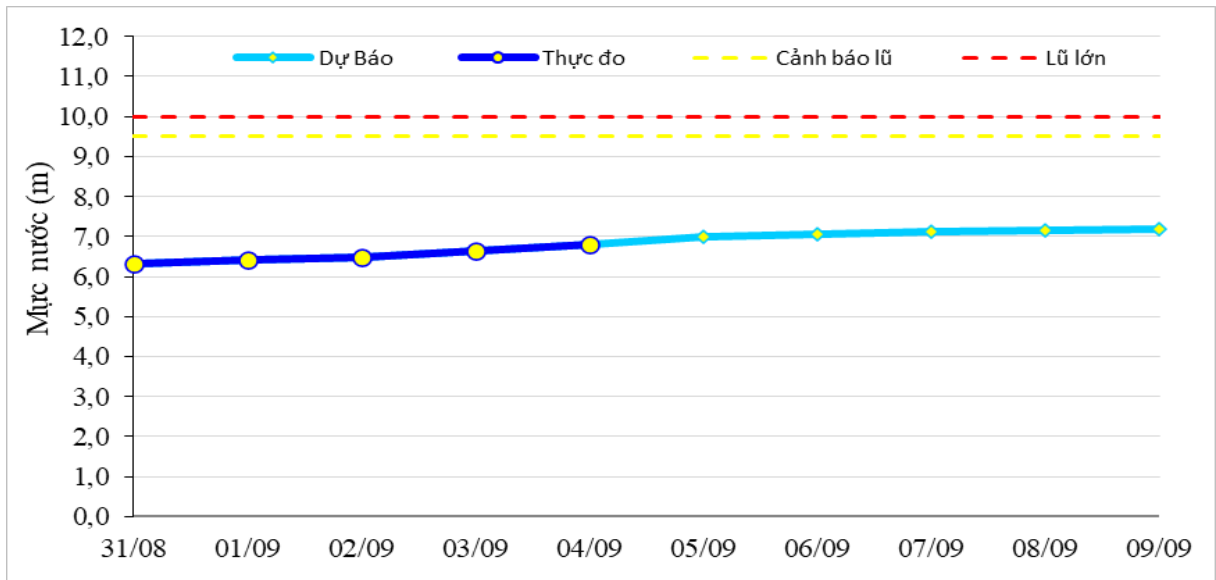
2.2 Dự báo mực nước thượng lưu

Trạm Kratie: Theo kết quả dự báo của Ủy hội sông Mê Công (MRC) cho thấy, mực nước 7 giờ tại trạm Kratie trong 5 ngày tới có xu thế tăng đến ngày 05/9/2025 và đạt đỉnh lũ kỳ này ở mức 20,75 m, sau đó giảm trở lại với cường suất trung bình 19,0 cm/ngày, dự báo đến ngày 09/9/2025 đạt 20,01 m, thấp hơn khá nhiều mức cảnh báo lũ (22,00 m), [xem Hình 10].



Hình 10. Dự báo mực nước 5 ngày từ 29/8 - 02/9/2025 tại Kratie

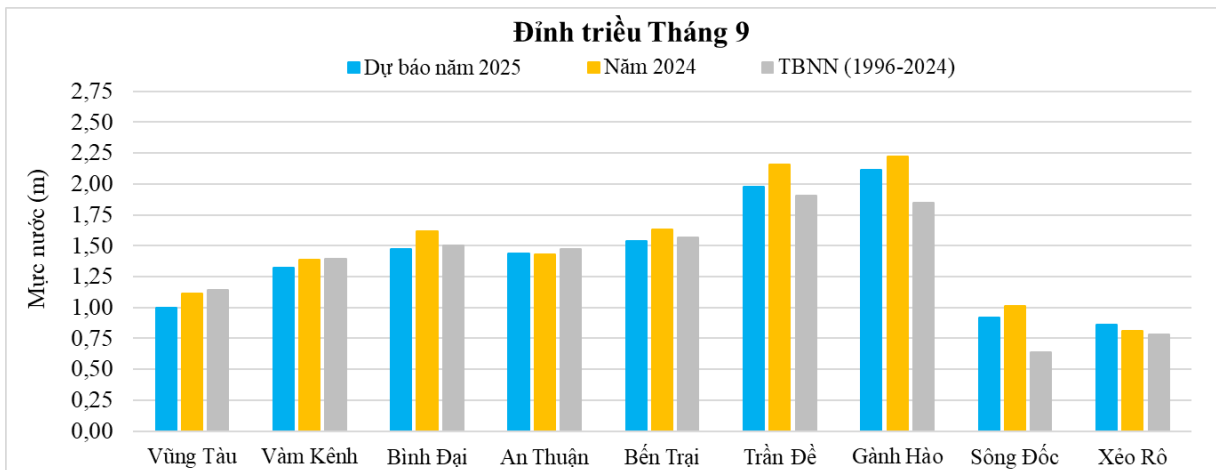
Trạm Prek Kdam: Mực nước 7 giờ tại trạm Prek Kdam trong 5 ngày tới có xu thế tăng với cường suất trung bình 7,6 cm/ngày, dự báo đến ngày 09/9/2025 đạt 7,19 m, thấp hơn nhiều mức cảnh báo lũ (9,50 m), [xem Hình 11].



Hình 11. Dự báo mực nước 5 ngày từ 29/8 - 02/9/2025 tại Prek Kdam

2.3 Dự báo mực nước thủy triều

Thủy triều hiện đang ở mức thấp, dự báo có xu thế tăng đến ngày 09-10/9/2025, sau đó giảm trở lại. Đỉnh triều dự báo tháng 9 năm 2025 tương đối thấp, phổ biến thấp hơn cùng kỳ năm 2024, thấp hơn TBNN trên các trạm từ Vũng Tàu đến Bến Trại, chỉ cao hơn TBNN trên các trạm từ Trần Đề đến Xẻo Rô. Cụ thể, thấp hơn năm 2024 bình quân khoảng 0,08 m, chỉ riêng trạm Xẻo Rô cao hơn năm 2024 0,05 m. Thấp hơn TBNN trên các trạm từ Vũng Tàu đến Bến Trại trung bình 0,06 m, cao hơn TBNN trên các trạm từ Trần Đề đến Xẻo Rô trung bình khoảng 0,17 m, [xem Hình 12].



Hình 12. Mực nước dự báo Max tháng 9 năm 2025 và cùng kỳ các năm

Trong tháng 9 năm 2025 có 2 đợt triều cường. Đợt 1 vào tuần 2 tháng 9 (đỉnh rơi vào các ngày 09-11/9 trên khu vực ven Biển Đông, 14-15/9 trên khu vực ven biển Tây), đợt 2 vào tuần cuối tháng 9 (đỉnh rơi vào các ngày 21-23/9 trên khu

vực ven Biển Đông, 30/9 trên khu vực ven biển Tây). Trong đó đỉnh triều đợt 1 là đỉnh cao nhất tháng 9, [xem Bảng 10].

Bảng 10. Đặc trưng mực nước triều dự báo tháng 9 năm 2025

TT	Trạm	Đỉnh triều đợt 1 (m)	Ngày đạt	Đỉnh triều đợt 2 (m)	Ngày đạt
1	Vũng Tàu	1,00	10/9	0,93	21/9
2	Vàm Kênh	1,32	10/9	1,23	23/9
3	Bình Đại	1,47	09/9	1,39	23/9
4	An Thuận	1,44	09/9	1,36	23/9
5	Bến Trại	1,54	09/9	1,47	21/9
6	Trần Đề	1,98	09/9	1,85	21/9
7	Gành Hào	2,11	11/9	1,99	22/9
8	Sông Đốc	0,92	14/9	0,87	30/9
9	Xẻo Rô	0,86	15/9	0,68	30/9

Nguồn: Viện Kỹ thuật Biển

III DỰ BÁO MỰC NƯỚC NỘI ĐỒNG VÙNG ĐBSCL

3.1 Mạng lưới trạm dự báo

Tổng số các trạm dự báo mực nước trên vùng ĐBSCL là 70 trạm, gồm 4 trạm trên dòng chính và 66 trạm trong vùng nội đồng [xem Hình 13].

- Trạm Tân Châu (trên sông Tiền), Châu Đốc (trên sông Hậu), do Trung tâm Dự báo Khí tượng Thủy văn Trung ương thực hiện dự báo. Trạm Mỹ Thuận (trên sông Tiền) và Cần Thơ (trên sông Hậu) do Viện Quy hoạch Thủy lợi Miền Nam dự báo.

- Trong khu vực nội đồng gồm 66 trạm do Viện Quy hoạch Thủy lợi Miền Nam dự báo được chia thành 3 vùng:

- + Vùng Thượng ĐBSCL bao gồm 22 trạm
- + Vùng Giữa ĐBSCL bao gồm 25 trạm
- + Vùng Ven Biển bao gồm 19 trạm.



Hình 13. Bản đồ vị trí các trạm dự báo nguồn nước vùng ĐBSCL

3.2 Dự báo mực nước trong 10 ngày tới (từ ngày 04 - 13/9/2025)

3.2.1 Vùng Thượng ĐBSCL

Theo Trung tâm Dự báo Khí tượng thủy văn Quốc gia, mực nước dự báo đầu nguồn sông Cửu Long 5 ngày tới tại Tân Châu và Châu Đốc có xu thế tăng khá mạnh trở lại với cường suất tăng trung bình 7,0 cm/ngày do lũ thượng nguồn tăng kết hợp triều cường. Đến ngày 08/9/2025 Tân Châu đạt 2,95 m, Châu Đốc đạt 2,60 m.

Mực nước nội đồng vùng Thượng ĐBSCL hiện ở mức khá thấp. Dự báo 10 ngày tới có xu thế tăng do lũ đầu nguồn tăng kết hợp triều cường, mực nước các

trạm thuộc khu vực Đồng Tháp Mười có xu thế tăng với cường suất trung bình 6,0 cm/ngày. Mức nước các trạm thuộc khu vực Tứ giác Long Xuyên có xu thế tăng với cường suất trung bình 4,0 cm/ngày, một số trạm cuối nguồn xa sông chính mực nước có xu thế giảm nhẹ, [xem Bảng 11].

Bảng 11. Diễn biến mực nước dự báo ở các trạm nội đồng vùng Thượng ĐBSCL

Đơn vị: m

TT	Trạm	Xã/Phường	Tỉnh	Sông/kênh	H_max dự báo	Xu thế
1	Tân Châu*	P. Tân Châu	An Giang	S. Tiền	2,67→2,95	↑
2	Châu Đốc*	P. Châu Đốc	An Giang	S. Hậu	2,33→2,60	↑
3	Sông Trăng	Hưng Điền	Long An	K. Sông Trăng	1,66→2,48	↑
4	Vàm Đồn	Khánh Hưng	Long An	K. Cái Cỏ	1,94→2,63	↑
5	Tân Hưng	Tân Hưng	Long An	K. Hồng Ngự - LA	1,72→2,00	↑
6	Vĩnh Hưng	Vĩnh Hưng	Long An	K. 28	1,70→2,29	↑
7	Mộc Hoá	Mộc Hóa	Long An	S. Vàm Cỏ Tây	1,04→1,53	↑
8	Tuyên Nhơn	Thanh Hóa	Long An	S. Vàm Cỏ Tây	0,73→1,17	↑
9	T.Thới Hậu A	P. Thường Lạc	Đồng Tháp	S. Sở Thượng	2,71→3,34	↑
10	Dinh Bà	Tân Hộ Cơ	Đồng Tháp	K. Sở Hạ	2,20→3,19	↑
11	Tân Hồng	Tân Hộ Cơ	Đồng Tháp	K. Phước Xuyên	2,15→3,01	↑
12	Tân Công Sính	Tràm Chim	Đồng Tháp	K. Hồng Kỳ	1,67→2,07	↑
13	An Long	An Long	Đồng Tháp	K. Đồng Tiến	2,33→2,87	↑
14	Trường Xuân	Trường Xuân	Đồng Tháp	K. Phước Xuyên	1,52→1,93	↑
15	Mỹ An	Tháp Mười	Đồng Tháp	K. NV Tiếp	1,29→1,67	↑
16	Xuân Tô	P. Tịnh Biên	An Giang	K. Vĩnh Tế	1,70→2,82	↑
17	Khánh An	An Phú	An Giang	S. Bình Ghi	3,72→4,00	↑
18	Tri Tôn	Tri Tôn	An Giang	K. Tri Tôn	1,12→1,35	↑
19	Vàm Nao	Phú Tân	An Giang	S. Vàm Nao	2,04→2,62	↑
20	Long Xuyên	P. Long Xuyên	An Giang	S. Hậu	1,82→2,45	↑
21	Núi Sập	Thoại Sơn	An Giang	K. RG - Long Xuyên	1,25→1,56	↑
22	Vĩnh Điều	Giang Thành	Kiên Giang	K. Vĩnh Tế	0,86→0,59	↓
23	Hòa Điền	Kiên Lương	Kiên Giang	K. RG - Hà Tiên	1,17→0,69	↓
24	Ba Thê	Hòn Đất	Kiên Giang	K. Ba Thê	1,03→1,26	↑

Ghi chú: * số liệu dự báo của Trung tâm khí tượng thủy văn quốc gia
Trong cột H_max dự báo: Chỉ thể hiện 2 đặc trưng lớn nhất và nhỏ nhất trong 10 ngày tới.

3.2.2 Vùng Giữa ĐBSCL

Hiện nay mực nước trên các trạm vùng Giữa ĐBSCL đang ở mức thấp và biến đổi mạnh theo triều. Dự báo 10 ngày tới, mực nước ở mức khá thấp và có xu thế tăng đến ngày 10/9/2025 với cường suất trung bình 5,0 cm/ngày, sau đó giảm

nhẹ trở lại. Riêng trạm Vị Thanh (TP. Cần Thơ) và trạm Phước Long (tỉnh Cà Mau) mực nước dự báo phổ biến trên mức BĐIII, [xem Bảng 12].

Bảng 12. Diễn biến mực nước dự báo ở các trạm nội đồng vùng Giữa ĐBSCL

Đơn vị: m

TT	Trạm	Xã/Phường	Tỉnh	Sông/kênh	H_max dự báo	Xu thế
1	Cần Thơ	P. Cái Khế	Cần Thơ	S. Hậu	1,20→1,81	↑
2	Mỹ Thuận	P. Tân Ngãi	Vĩnh Long	S. Tiền	1,22→1,83	↑
3	Tân Lập	Tân Long	Long An	K. Bo Bo	0,89→1,36	↑
4	Bến Lức	Bến Lức	Long An	S. Vàm Cỏ Đông	0,71→1,24	↑
5	Tân An	P. Long An	Long An	S. Vàm Cỏ Tây	1,01→1,55	↑
6	Cai Lậy	Cai Lậy	Tiền Giang	K. 12	1,14→1,63	↑
7	Long Định	Long Định	Tiền Giang	K. Nguyễn Tấn Thành	0,84→1,36	↑
8	Mỹ Tho	P. Mỹ Tho	Tiền Giang	S. Tiền	0,99→1,60	↑
9	Vàm Kênh	Gò Công Đông	Tiền Giang	S. Cửa Tiểu	0,68→1,31	↑
10	Chợ Lách	Chợ Lách	Bến Tre	S. Hàm Luông	1,17→1,78	↑
11	Mỹ Hóa	P. Bến Tre	Bến Tre	S. Hàm Luông	0,94→1,49	↑
12	G1	Châu Thành	Bến Tre	S. Giao Hòa	0,94→1,43	↑
13	Cao Lãnh	Cao Lãnh	Đồng Tháp	S. Tiền	1,66→2,22	↑
14	Lai Vung	Lai Vung	Đồng Tháp	K. Hòa Long	1,63→2,23	↑
15	Ba Càng	Tam Bình	Vĩnh Long	S. Ba Càng	1,44→2,12	↑
16	G2	Quới An	Vĩnh Long	S. Măng Thít	1,14→1,70	↑
17	G3	Trà Ôn	Vĩnh Long	S. Măng Thít	1,11→1,80	↑
18	G4	Tân An	Trà Vinh	S. An Trường	1,11→1,67	↑
19	Tân Hiệp	Tân Hiệp	Kiên Giang	K. Cái Sắn	0,80→0,93	↑
20	Ô Môn	P. Ô Môn	Cần Thơ	K. Ô Môn	1,35→1,94	↑
21	Cờ Đỏ	Cờ Đỏ	Cần Thơ	K. Thốt Nốt	1,15→1,43	↑
22	Vị Thanh	P. Vị Thanh	Hậu Giang	K. Xà No	0,80→0,91	↑
23	Phụng Hiệp	P. Ngã Bảy	Hậu Giang	S. Cái Côn	1,05→1,40	↑
24	Đại Ngãi	Long Phú	Sóc Trăng	S. Hậu	0,83→1,61	↑
25	G5	P. Ngã Năm	Sóc Trăng	K. QL - Phụng Hiệp	0,59→0,72	↑
26	Phước Long	Phước Long	Bạc Liêu	K. QL - Phụng Hiệp	1,06→1,03	↓
27	Giồng Riềng	Giồng Riềng	Kiên Giang	K. Nước Mặn	0,77→0,85	↑

Ghi chú: Trong cột H_max dự báo: Chỉ thể hiện 2 đặc trưng lớn nhất và nhỏ nhất trong 10 ngày tới.

3.2.3 Vùng Ven Biển ĐBSCL

Hiện nay mực nước trên các trạm vùng Ven Biển ĐBSCL ở mức thấp. Dự báo 10 ngày tới, mực nước ở mức khá thấp trên các trạm thuộc khu vực ven biển Đông có xu thế tăng đến ngày 09-10/9/2025 với cường suất trung bình 6,0 cm/ngày, sau đó giảm nhẹ trở lại. Mực nước trên các trạm thuộc khu vực ven biển

Tây ở mức thấp và có xu thế giảm nhẹ đến ngày 11/9/2025, sau đó tăng trở lại với cường suất trung bình 5,0 cm/ngày. Riêng trạm Cà Mau (tỉnh Cà Mau) mực nước dự báo trên mức BĐII, [xem Bảng 13].

Bảng 13. Diễn biến mực nước dự báo ở các trạm nội đồng vùng Ven Biển ĐBSCL

Đơn vị: m

TT	Trạm	Xã/Phường	Tỉnh	Sông/kênh	H_max dự báo	Xu thế
1	Bình Đại	Bình Đại	Bến Tre	S. Cửa Đại	0,99→1,47	↑
2	An Thuận	Tân Thủy	Bến Tre	S. Hàm Luông	0,97→1,44	↑
3	Bến Trại	Thanh Phong	Bến Tre	S. Cổ Chiên	1,12→1,54	↑
4	Trà Vinh	P. Hòa Thuận	Trà Vinh	S. Cổ Chiên	1,14→1,70	↑
5	VB1	Đôn Châu	Trà Vinh	K. Quan Chánh Bó	0,94→1,74	↑
6	Trần Đề	Trần Đề	Sóc Trăng	S. Mỹ Thanh	1,35→1,98	↑
7	VB2	P. Khánh Hòa	Sóc Trăng	S. Mỹ Thanh	0,97→1,72	↑
8	VB4	Giá Rai	Bạc Liêu	K. CM - Bạc Liêu	1,32→2,03	↑
9	VB3	P. Bạc Liêu	Bạc Liêu	S. Bạc Liêu	1,26→1,91	↑
10	Cà Mau	P. Lý Văn Lâm	Cà Mau	S. Gành Hào	0,95→0,91	↓
11	Năm Căn	Ngọc Hiển	Cà Mau	S. Cửa Lớn	0,96→1,69	↑
12	Sông Đốc	Trần Văn Thời	Cà Mau	S. Ông Đốc	0,88→0,81	↓
13	VB5	Thới Bình	Cà Mau	S. Trẹm	0,71→0,70	↓
14	Rạch Giá	P. Rạch Giá	Kiên Giang	S. Kiên	0,41→0,66	↑
15	Xẻo Rô	Châu Thành	Kiên Giang	S. Cái Lớn	0,58→0,53	↓
16	Vàm Răng	Hòn Đất	Kiên Giang	K. RG - Hà Tiên	0,69→0,75	↑
17	Vàm Rây	Hòn Đất	Kiên Giang	K. HT - Rạch Giá	0,82→0,88	↑
18	VB7	An Minh	Kiên Giang	K. Cán Gáo	0,77→0,72	↓
19	VB6	Vĩnh Thuận	Kiên Giang	S. Cái Lớn	0,69→0,66	↓

Ghi chú: Trong cột H_max dự báo: Chỉ thể hiện 2 đặc trưng lớn nhất và nhỏ nhất trong 10 ngày tới.

IV KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

4.1 Kết luận

Hình thái thời tiết chủ đạo ảnh hưởng đến lưu vực hạ lưu sông Mê Công trong tuần qua là gió mùa Tây Nam hoạt động mạnh và hoàn lưu cơn bão số 5 và số 6 trên biển Đông gây mưa ở lớn trên lưu vực. Mực nước tại trạm Kratie trong tuần qua có xu thế tăng mạnh và ở mức khá cao. So với cùng kỳ các năm điển hình, hiện mực nước cao hơn khá nhiều TBNN, cao hơn năm 2011, cao hơn nhiều các năm 2024 và 2015, chỉ thấp hơn năm 2019, 2000 và 2018.

Mực nước đầu nguồn sông Cửu Long tại Tân Châu và Châu Đốc trong tuần qua ở mức khá thấp và có xu thế giảm nhẹ đến ngày 01/9/2025, sau đó tăng trở

lại đến nay. So với cùng kỳ các năm điển hình, hiện mực nước tại trạm Tân Châu thấp hơn khá nhiều TBNN, thấp hơn năm 2019, chỉ cao hơn năm 2024 và 2015. Mực nước tại trạm Châu Đốc thấp hơn khá nhiều TBNN, thấp hơn năm 2024 và năm 2019, chỉ cao hơn năm 2015. Mực nước nội đồng trong tuần qua trên vùng Thượng ở mức khá thấp và có xu thế giảm nhẹ, một số trạm khu vực đầu nguồn có xu thế tăng do lũ tăng. Mực nước trên vùng Giữa ĐBSCL và vùng Ven Biển ĐBSCL ở mức khá thấp và có xu thế giảm theo triều.

Trong 5 ngày tới, mực nước trên dòng chính sông Mê Công tại trạm Kratie dự báo tăng đến ngày 05/9/2025, sau đó giảm trở lại. Mực nước tại trạm Prek Kdam dự báo tăng; mực nước Max ngày tại Tân Châu và Châu Đốc dự báo có xu thế tăng mạnh; mưa dự báo trên lưu vực hạ lưu sông Mê Công trong tuần tới ở mức trung bình và ít biến động; mưa dự báo trên và ĐBSCL trong tuần tới ở mức trung bình và có xu thế tăng; thủy triều hiện đang ở mức thấp và dự báo tăng đến 09-10/9/2025, sau đó giảm trở lại.

Dự báo trong 10 ngày tới. Mực nước trên vùng Thượng ở mức khá thấp và có xu thế tăng. Mực nước các trạm vùng Giữa và vùng Ven Biển ĐBSCL đều ở mức khá thấp và có xu thế tăng đến ngày 09-10/9/2025, sau đó giảm trở lại và biến đổi theo triều.

4.2 Kiến nghị

Mực nước nội đồng ĐBSCL dự báo 10 ngày tới tuy có xu thế tăng khá mạnh do lũ đầu nguồn tăng kết hợp triều cường nhưng mực nước lớn nhất kỳ này được dự báo ở mức khá thấp nên hầu như không bị ảnh hưởng đến vụ Hè Thu trong các ô bao KSL tháng 8 (đến nay còn khoảng 20-25% diện tích chưa thu hoạch) và vụ Thu Đông trong các ô bao KSL cả năm. Ngoại trừ một số khu vực thấp trũng trên vùng bán đảo Cà Mau như vùng trung tâm tỉnh Cà Mau, tiểu vùng thủy lợi Bắc Cà Mau, khu vực bên trong HTTL Quản Lộ - Phụng Hiệp có thể xảy ra ngập úng cục bộ do mưa lớn kết hợp triều cường, mực nước dự báo một số trạm nhiều ngày tới vượt mức BĐIII. Vì vậy, các địa phương thuộc khu vực này cần đề phòng ngập úng có thể xảy ra trong 10 ngày tới. Đối với các khu vực sản xuất lúa Hè Thu đã đến giai đoạn thu hoạch, các địa phương cần chủ động thu hoạch sớm để tránh bị thiệt hại do ngập úng/đổ ngã. Đối với các diện tích lúa chưa đến giai đoạn thu hoạch cần rà soát gia cố các bờ bao xung yếu và chủ động các phương án tiêu thoát nước chống ngập úng khi xảy ra mưa lớn và mưa lớn kết hợp triều cường.

Tình hình thời tiết diễn biến ngày càng bất thường. Theo nhận định của các Tổ chức trong và ngoài nước từ nay đến cuối mùa lũ còn xuất hiện khá nhiều cơn bão và áp thấp nhiệt đới trên biển Đông có nguy cơ gây mưa lớn trên lưu vực hạ lưu sông Mê Công. Vì vậy, kiến nghị các địa phương phải theo dõi chặt chẽ các thông tin dự báo từ các tổ chức như MRC, Trung tâm Dự báo Khí tượng Thủy

văn Trung ương, Đài Khí tượng Thủy văn tỉnh, Dự báo nguồn nước vùng ĐBSCL của Viện Quy hoạch Thủy lợi Miền Nam... để kịp thời xây dựng kế hoạch ứng phó phù hợp.

Nơi nhận:

- Q. Bộ trưởng Trần Đức Thắng (để b/c);
- Thứ trưởng Nguyễn Hoàng Hiệp (để b/c);
- Cục QL&XDCTTL;
- Cục Quản lý đề điều & PCTT;
- Sở NN&MT 6 tỉnh vùng ĐBSCL;
- Ban Lãnh đạo Viện QHTLMN;
- Website: www.siwrp.org.vn;
- Lưu P. KHCN&HTQT.

KT. VIỆN TRƯỞNG

PHÓ VIỆN TRƯỞNG



Phạm Văn Mạnh

Thông tin chi tiết liên hệ:

- | | | |
|-------------------------------------|---------------------|-----------------------------------|
| - Chủ nhiệm dự báo: Nguyễn Huy Khôi | - DD: 0913.106.641; | Email: nhkhoihl@yahoo.com |
| - Dự báo viên: Trần Mạnh Thứ | - DD: 0967.161.808; | Email: manhthuwr@gmail.com |
| Trần Đức Đông | - DD: 0989.872.205; | Email: tranducdongvn@yahoo.com.vn |